

Bản án số: 01/2021/KDTM -PT  
Ngày: 29/01/2021  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
cho vay tín dụng”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung;

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Thủy;

Bà Lê Thị Hiệu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Xuân Tú - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:**

Bà Hoàng Phương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 13/2020/TLPT ngày 05 tháng 11 năm 2020, về việc tranh chấp: “Hợp đồng cho vay tín dụng”. Do bản án số 05/2020/KDTM-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐ-PT ngày 26/11/2020 giữa các đương sự:

**I. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP VNTV (A).

Địa chỉ: Số 89 LH, Phường LH, quận DD, Thành phố Hà Nội.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông NCD – Chức vụ chủ tịch Hội đồng Quản trị A

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông PTA – Chức vụ phó giám đốc trung G pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân A Hội sở.

+ Người được ủy quyền lại: Ông TTB – CB xử lý nợ

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 27 – 29, Đại lộ Lê Lợi, P. Lam Sơn, TP. Thanh Hóa.

**II. Bị đơn:** Công ty cổ phần ĐVNS

Địa chỉ: Số nhà 76, đường QT, phường HH, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nay chuyển về: Thôn DQ 1, p. XL, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Việt An – Chức vụ Giám đốc

### **III. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông LVM – SN 1952

2. Bà MTT - SN 1955

Cùng địa chỉ: Thôn 1 DQ, phường XL, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Ông NMH – SN 1981

4. Bà LTG – SN 1982

Cùng địa chỉ: Tiểu khu 6, phường HH, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (có đơn xin xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2016 cho đến tháng 10/2017, Công ty Cổ phần ĐVNS có vay vốn của Ngân hàng A với tổng số tiền vay là 10.195.000.000đ theo bốn hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp tài sản như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 230616 – 2862727 – 01 – SME, ngày 23/6/2016 và khế ước nhận nợ lần 1 là 945 triệu đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 24/6/2016 đến ngày 24/6/2021. Trả nợ gốc 03 tháng/ lần mỗi lần trả 47.250.000đ; Trả nợ lãi 01 tháng / lần vào ngày 20 hàng tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/ lần.

- Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là xe ô tô tải T đồ nhãn hiệu SHACMAN có BKS: 36C – 172.23 đứng tên CTCP ĐVNS, theo Hợp đồng thế chấp được ký ngày 23/6/2016.

- Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty ĐVNS đã trả nợ gốc: 425.250.000đ và 193.302.968đ tiền lãi. Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 20/11/2018 và phải chịu mức lãi xuất quá hạn.

- Tạm tính đến ngày 25/5/2020, CTCP ĐVNS còn nợ Ngân hàng A là:

- + Nợ gốc: 519.750.000đ
- + Nợ lãi trong hạn: 130.783.089đ
- + Phạt chậm trả lãi: 0 đồng.

Tổng số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ lần 1: 650.533.089đ.

2. Hợp đồng tín dụng số 120717 - 2862727 - 01 – SME, ngày 13/7/2017 và khế ước nhận nợ lần 1 là 800 triệu đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 13/7/2017 đến ngày 13/7/2020. Trả nợ gốc 01 tháng/ lần mỗi lần trả 22.200.000đ; Trả nợ lãi 01 tháng / lần vào ngày 30 hàng tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/ lần.

- Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty ĐVNS đã trả nợ gốc: 799.999.997đ và 165.780.453đ tiền lãi. Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 29/11/2018 và phải chịu mức lãi xuất quá hạn.

- Tạm tính đến ngày 25/5/2020, CTCP ĐVNS còn nợ Ngân hàng A là:
  - + Nợ gốc: 3đ
  - + Nợ lãi trong hạn: 71.334.575đ
  - + Phạt chậm trả lãi: 9.632.345 đồng.

Tổng số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ lần 1: 80.966.923đ.

3. Hợp đồng tín dụng số 031017 – 2862727 – 01 – SME, ngày 04/10/2017 và khế ước nhận nợ lần 1 là 1.800.00.000đ, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 04/10/2017 đến ngày 04/10/2020. Trả nợ gốc 01 tháng/ lần mỗi lần trả 50.000.000đ; Trả nợ lãi 01 tháng / lần vào ngày 30 hàng tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/ lần.

- Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên gồm;
  - + Xe ô tô tải T đồ nhãn hiệu SHACMAN có BKS: 36C – 122.28 đứng tên CTCP ĐVNS, theo Hợp đồng thế chấp được ký ngày 04/10/2017.
  - + Xe ô tô tải T đồ nhãn hiệu SHACMAN có BKS: 36C – 129.06 đứng tên CTCP ĐVNS, theo Hợp đồng thế chấp được ký ngày 04/10/2017.

+ Xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA có BKS: 36A – 100.87 đứng tên CTCP ĐVNS, theo Hợp đồng thế chấp được ký ngày 04/10/2017.

- Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty ĐVNS đã trả nợ gốc: 650.000.000đ và 203.733.628đ tiền lãi. Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 29/11/2018 và phải chịu mức lãi xuất quá hạn.

- Tạm tính đến ngày 25/5/2020, CTCP ĐVNS còn nợ Ngân hàng A là:

+ Nợ gốc: 1.150.000.000đ

+ Nợ lãi trong hạn: 354.671.272đ

+ Phạt chậm trả lãi: 31.954.769đ.

Tổng số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ lần 1: 1.536.626.041đ.

4. Hợp đồng tín dụng số 021017 – 2862727 – 01 – SME, ngày 04/10/2017 với mức dự tính cho vay: 08 tỷ đồng;

4.1. Tại khế ước nhận nợ lần 1 số 051097 - 2862727 – 01 – SME, ngày 05/10/2017 là 3.350.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay nói trên. Trả nợ gốc một lần vào ngày kết thúc hợp đồng; Trả nợ lãi 01 tháng/lần vào ngày 30 hàng tháng. Lãi suất cho vay 8,7%/ năm, được tính cố định suốt thời gian vay.

- Tài sản thế chấp gồm:

+ Diện tích đất 1014m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 399, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa số 60, tờ bản đồ số 105, BĐ ĐC năm 2011). Tại thôn 1, xã XL, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

+ Diện tích đất 300m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 20B, tờ bản đồ số 124. Tại thôn 1, xã XL, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

+ Diện tích 300m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 18A, tờ bản đồ số 124. Tại thôn 1, xã XL, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

+ Diện tích 300m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 20A, tờ bản đồ số 124. Tại thôn 1, xã XL, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

Cả bốn diện tích đất và tài sản trên đất đều được Nhà nước Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho ông LVM và bà MTT. Ông

M và bà T ký hợp đồng thế chấp dùng các tài sản trên của mình để đảm bảo cho khoản vay 3.350.000.000đ của CTCP ĐVNS theo hai Hợp đồng thế chấp ký ngày 04/10/2017.

- Quá trình thực hiện hợp đồng CTCP ĐVNS đã trả được: 750.800đ tiền nợ gốc và 223.162.625đ tiền nợ lãi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 03/10/2018 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 25/5/2020, CTCP ĐVNS còn nợ Ngân hàng A là:

+ Nợ gốc: 3.349.000.000đ

+ Nợ lãi trong hạn: 744.451.060đ

+ Nợ lãi chậm trả: 70.297.540đ

Tổng số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ lần 1: 4.163.997.800đ.

4.2. Tại khế ước nhận nợ số 050418 – 2862727 – 01 – SME, ngày 05/4/2018 là 3.300.00.000đ, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 05/4/2018 đến ngày 05/10/2018. Trả nợ gốc một lần vào ngày kết thúc hợp đồng; Trả nợ lãi 01 tháng / lần vào ngày 30 hàng tháng. Lãi suất cho vay 9%/ năm, được tính cố định suốt thời gian vay.

- Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên; Diện tích đất 118,8m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 84, tờ bản đồ số 06. Tại TK6, thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền số BU421488 do UBND huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa cấp ngày 28/8/2014 đứng tên ông NMH và bà LTG. Ông H và bà G ký hợp đồng thế chấp 24/5/2017 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/10/2017.

- Quá trình thực hiện hợp đồng: CTCP ĐVNS đã trả được: 0đ tiền nợ gốc và 146.840.725đ tiền nợ lãi và 872.554đ tiền phạt, vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 04/10/2018 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 25/5/2020, CTCP ĐVNS còn nợ Ngân hàng A là:

+ Nợ gốc: 3.300.000.000đ

+ Nợ lãi trong hạn: 733.581.193đ

+ Nợ lãi chậm trả: 69.712.459đ

Tổng số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ lần 1: 4.103.293.652đ.

\* Tính đến ngày 25/5/2020, CTCP ĐVNS còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền nợ gốc của 4 hợp đồng nói trên là: 8.318.999.203đ; Tiền lãi 2.034.821.189đ; tiền phạt chậm trả lãi 181.597.113đ. Tổng cộng: 10.535.417.505đ.

Trong trường hợp CTCP ĐVNS vi phạm nghĩa vụ trả nợ không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, A có quyền T bán tài sản hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đã thế chấp. Nếu số tiền thu được từ tài sản thế chấp không đủ để thanh toán các khoản nợ trên thì Ngân hàng được quyền đề nghị Chi cục Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền quản lý, sử dụng, sở hữu của Công ty.

\* Tại phiên hòa giải ngày 10/6/2020, phía ngân hàng xin rút khoản yêu cầu trả tiền phạt chậm trả lãi là: 181.597.113đ, để hỗ trợ công ty trong thời điểm công ty còn gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid. Trong quá trình hòa giải phía ngân hàng cũng đưa ra phương án trả nợ cho Công ty ĐVNS như sau: Đồng ý cho Công ty cổ phần ĐVNS trả nợ trong thời gian 06 tháng và ưu tiên giải chấp cho khoản vay 3.300.000.000đ thế chấp bằng tài sản của ông H và bà G và phải trả số tiền 4.500.000.000đ và số tiền trên được trừ vào toàn bộ tiền nợ gốc của Công ty. Sau đó tiếp tục thanh toán các khoản nợ còn lại khác. Tuy nhiên hai bên không thống nhất được thỏa thuận trên.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện cho Ngân hàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin rút khoản yêu cầu trả số tiền phạt chậm trả lãi là: 181.597.113đ. Đối với số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/5/2020 đề nghị HĐXX buộc Công ty Cổ phần ĐVNS phải thanh toán cho Ngân hàng. Phía Ngân hàng cũng không đồng ý để ông LVM, bà MTT và bà LTG đứng ra thanh toán nợ thay cho Công ty Cổ phần ĐVNS.

*\* Tại bản T khai cũng như ý kiến trình bày của ông Lê Việt An giám đốc Công ty cổ phần ĐVNS trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:*

Phía công ty thừa nhận tính đến ngày 25/5/2020, CTCP ĐVNS còn nợ Ngân hàng VP.bank tổng số tiền nợ gốc của 4 hợp đồng nói trên là: 8.318.999.203đ; tiền phạt chậm trả lãi 181.597.113đ và để đảm bảo cho các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty cổ phần ĐVNS; của ông LVM, bà MTT, ông NMH và bà LTG là hoàn toàn đúng. Hiện tại các tài sản thế chấp Công ty và những người thế chấp đang trực tiếp quản lý và sử dụng, không cho ai thuê lại. Riêng đối với khoản tiền lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 25/5/2020 là 2.034.821.189đ, do công ty chưa tính toán được vì có nhiều hợp đồng vay và các khoản vay bị quá hạn nhiều nên tạm thời chưa thống nhất; Theo quan điểm của công ty hiện tại do ảnh hưởng của dịch Covid nên công ty cũng gặp nhiều khó khăn, các hợp đồng chưa thanh toán nên chưa có nguồn tiền để trả nợ một lúc cho ngân hàng nên phía Công ty đề nghị cho giải chấp tài sản thế chấp của ông H và bà G trước với khoản vay là 3.300.000.000đ. Đối với khoản vay này phía chị G cũng đã đề xuất thanh toán với ngân hàng ba lần rồi nhưng phía ngân hàng không đồng ý. Số nợ còn lại Công ty đề nghị Ngân hàng cho kéo dài thời gian trả nợ là 06 tháng kể từ thời điểm giải chấp xong tài sản thế chấp của ông H và bà G. Công ty đề nghị Ngân hàng cùng công ty tháo gỡ khó khăn theo tinh thần của Thông tư 01, 02/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Nghị định số 11/2020/CP.

Đối với tài sản của công ty dùng vào việc thế chấp các khoản vay hiện công ty vẫn đang quản lý và sở hữu, Công ty sẽ cố gắng thực hiện việc trả nợ để giải chấp dần các tài sản trên.

***Quan điểm trình bày của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan như sau:***

***Quan điểm của ông LVM và bà MTT :*** Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần ĐVNS theo hợp đồng tín dụng số 021017 – 2862727 – 01 – SME, ngày 04/10/2017 và khế ước nhận nợ lần 1 số 051097 - 2862727 – 01 – SME, với số tiền vay là 3.350.000.000đ, ông bà đã thế chấp tài sản của mình là 04 diện tích đất như sau;

+ Diện tích đất 1014m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 399, tờ bản đồ

số 10 (nay là thửa số 60, tờ bản đồ số 105, BĐ ĐC năm 2011). Tại thôn 1, xã XL, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

+ Diện tích đất 300m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 20B, tờ bản đồ số 124. Tại thôn 1, xã XL, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

+ Diện tích 300m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 18A, tờ bản đồ số 124. Tại thôn 1, xã XL, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

+ Diện tích 300m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 20A, tờ bản đồ số 124. Tại thôn 1, xã XL, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

Tính đến thời điểm hiện nay do Công ty làm ăn thua lỗ dẫn đến không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ nên ông và bà T sẽ có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc nói trên để giải chấp các tài sản thế chấp còn số tiền lãi thì Công ty phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Đối với các diện tích đất mà ông và bà T thế chấp cho Ngân hàng hiện nay ông bà đang quản lý và sử dụng, không cho cá nhân, công ty nào thuê.

*\*Quan điểm trình bày của bà LTG như sau:* Bà thừa nhận vợ chồng bà có dùng tài sản của mình là diện tích đất 118,8m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 84, tờ bản đồ số 06, tại TK6, thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền số BU421488 do UBND huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa cấp ngày 28/8/2014 đứng tên ông NMH và bà LTG thế chấp cho Ngân hàng VP.bank để đảm bảo cho khoản vay 3.300.000.000đ của Công ty cổ phần ĐVNS. Tính đến thời điểm hiện nay Công ty làm ăn thua lỗ nên bà sẽ nhận trách nhiệm trả nợ số tiền vay nói trên để giải chấp tài sản mà vợ chồng bà thế chấp cho Ngân hàng. Tổng số tiền bà trả cho ngân hàng là 4 tỷ trong đó 3.300.000.000đ là số tiền bà dùng tài sản để thế chấp vay còn lại 700 triệu đồng trừ vào khoản vay mà bố mẹ bà là ông M và bà T thế chấp tài sản vay cho công ty. Thời gian trả nợ là 05 tháng kể từ tháng 7/2020. Tài sản mà vợ chồng bà dùng để thế chấp cho Công ty hiện tại hai vợ chồng bà vẫn đang quản lý và sử dụng không cho ai thuê.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều cho rằng trong quá trình ký hợp đồng thế chấp đã không



đọc rõ các nội dung trong hợp đồng thế chấp nên không biết việc Ngân hàng VP.bank ràng buộc nghĩa vụ đối với tài sản thế chấp phải đảm bảo cho tất cả các khoản vay của Công ty. Vì vậy họ đều không thống nhất với Ngân hàng về nghĩa vụ này.

***Tại bản án số 05/2020/KDTM - ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn đã Quyết định:***

**Căn cứ:** Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 BLTGDS; điểm b Điều 688; Điều 117; khoản 2 Điều 119; khoản 2 Điều 292; khoản 3 Điều 293; Điều 299; Điều 317; khoản 3 Điều 318; Điều 319; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP TAND TC; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 167, điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, điểm e mục 1.4 Điều 1 mục II phần A danh mục lệ phí, án phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2. Về nghĩa vụ trả nợ:

2.1. Buộc Công ty cổ phần ĐVNS phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP VNTV tạm tính đến ngày 25/5/2020 số tiền nợ gốc là 8.318.999.203 đồng, tiền lãi là 2.034.821.189 đồng. Tổng cộng 10.353.820.392đ và còn phải chịu lãi trong hạn, quá hạn và lãi phát sinh kể từ ngày 26/5/2020 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ trên của các hợp đồng cụ thể như sau;

- Hợp đồng tín dụng số 230616 – 2862727 – 01 – SME, ngày 23/6/2016

+ Nợ gốc: 519.750.000đ

+ Nợ lãi trong hạn: 130.783.089đ

+ Tổng: 650.533.089đ

- Hợp đồng tín dụng số 120717 - 2862727 - 01 – SME, ngày 13/7/2017

+ Nợ gốc: 3đ

+ Nợ lãi trong hạn: 71.334.575đ

+ Tổng: 71.334.578đ

- Hợp đồng tín dụng số 031017 – 2862727 – 01 – SME, ngày 04/10/2017

+ Nợ gốc: 1.150.000.000đ

+ Nợ lãi trong hạn: 354.671.272đ

+ Tổng: 1.504.671.272đ

- Hợp đồng tín dụng số 021017 – 2862727 – 01 – SME, ngày 04/10/2017

với mức dự tính cho vay: 08 tỷ đồng;

+ Tại khế ước nhận nợ lần 1 số 051097 - 2862727 – 01 – SME, ngày 05/10/2017

- Nợ gốc: 3.349.000.000đ

- Nợ lãi trong hạn: 744.451.060đ

- Tổng: 4.093.451.060đ

+ Tại khế ước nhận nợ số 050418 – 2862727 – 01 – SME, ngày 05/4/2018

- Nợ gốc: 3.300.000.000đ

- Nợ lãi trong hạn: 733.581.193đ.

- Tổng: 4.033.581.193đ

2.2. Trong trường hợp Công ty cổ phần ĐVNS không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ đối với số tiền nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng TMCP VNTV có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn xử lý các tài sản đã được thế chấp bảo đảm cho các khoản vay trên cụ thể như sau;

- Xe ô tô tải T đổ nhãn hiệu SHACMAN có BKS: 36C – 172.23 đứng tên CTCP ĐVNS, theo Hợp đồng thế chấp được ký ngày 23/6/2016.

+ Xe ô tô tải T đổ nhãn hiệu SHACMAN có BKS: 36C – 122.28 đứng tên CTCP ĐVNS, theo Hợp đồng thế chấp được ký ngày 04/10/2017.

+ Xe ô tô tải T đổ nhãn hiệu SHACMAN có BKS: 36C – 129.06 đứng tên CTCP ĐVNS, theo Hợp đồng thế chấp được ký ngày 04/10/2017.

+ Xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA có BKS: 36A – 100.87 đứng tên CTCP ĐVNS, theo Hợp đồng thế chấp được ký ngày 04/10/2017.

+ Diện tích đất 1014m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 399, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa số 60, tờ bản đồ số 105, BĐ ĐC năm 2011). Tại thôn 1, xã XL, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa nay là thôn 1 phường XL, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa.

+ Diện tích đất 300m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 20B, tờ bản đồ số 124. Tại thôn 1, xã XL, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa nay là thôn 1 phường XL, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa.

+ Diện tích 300m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 18A, tờ bản đồ số 124. Tại thôn 1, xã XL, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa nay là thôn 1 phường XL, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa.

+ Diện tích 300m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 20A, tờ bản đồ số 124. Tại thôn 1, xã XL, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa nay là thôn 1 phường XL, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa.

Cả bốn diện tích đất và tài sản trên đất đều được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho ông LVM và bà MTT. Ông M và bà T ký hợp đồng thế chấp dùng các tài sản trên của mình để đảm bảo cho khoản vay 3.350.000.000đ của CTCP ĐVNS theo hai Hợp đồng thế chấp ký ngày 04/10/2017.

+ Diện tích đất 118,8m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 84, tờ bản đồ số 06. Tại TK6, thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa nay là TK6, phường HH, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền số BU421488 do UBND huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa nay là UBND thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa cấp ngày 28/8/2014 đứng tên ông NMH và bà LTG. Ông H và bà G ký hợp đồng thế chấp 24/5/2017 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/10/2017.

2.3. Ngân hàng TMCP VNTV có quyền tiếp tục quản lý các giấy tờ liên quan đến các tài sản thế chấp đến các tài sản thế chấp cho đến khi Công ty cổ phần ĐVNS thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2.4.Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty cổ phần ĐVNS phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP VNTV.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*\* Ngày 12/10/2020, bị đơn công ty ĐVNS có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của TAND thị xã Nghi Sơn.*

*\* Ngày 14/10/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan MTT, ông LVM có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung: Ông M và bà T Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của TAND thị xã Nghi Sơn.*

*\* Ngày 14/10/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà LTG có đơn kháng cáo bản án với nội dung: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi của bà theo hướng: Cho bà được trả số tiền nợ 3.300.000.000đ (Ba tỷ ba trăm triệu đồng) và tiền lãi cho Ngân hàng A thay cho ĐVNS, để ngân hàng cho bà được giải chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất mà bà và ông NMH đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên của ĐVNS.*

*\* Ngày 27/01/2021, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà LTG, bà MTT, ông LVM rút toàn bộ kháng cáo.*

***Tại phiên tòa phúc thẩm:*** Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị HĐXX công nhận thỏa thuận của các đương sự.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300, Khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ việc giải quyết đối với kháng cáo của bà LTG, bà MTT, ông LVM. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lê Việt An đại diện theo pháp luật của công ty công ty ĐVNS, bà LTG, MTT, LTG, ông LVM, kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

**[2] Về xác định quan hệ tranh chấp:** Ngân hàng TMCP VNTV ( gọi tắt là Ngân hàng A) và Công ty cổ phần ĐVNS ( gọi tắt là CT ĐVNS) đều có giấy phép đăng ký kinh doanh, bên cho vay và bên vay đều có mục đích lợi nhuận, căn cứ khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc kinh doanh thương mại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng cho vay tín dụng” là đúng.

### **[3] Xét nội dung giải quyết vụ án thấy rằng:**

*3.1. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm:* Ngày 27/01/2021 những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà LTG, bà MTT, ông LVM rút toàn bộ kháng cáo. Căn cứ Khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX đình chỉ việc giải quyết phưacs thẩm đối với kháng cáo của bà LTG, bà MTT, ông LVM là phù hợp.

*3.2. Tại phiên tòa phúc thẩm:* A và Công ty cổ phần ĐVNS thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Tính đến ngày 28/01/2021 Công ty cổ phần ĐVNS còn nợ A tổng số tiền: **11.178.593.705đ** ( gốc 8.318.999.203đ, lãi 2.859.594.502đ). Công ty cổ phần ĐVNS trả cho A số tiền 11.178.593.705đ cụ thể các kỳ:

\* **Kỳ 1:** Ngày 25/03/2021 thanh toán nghĩa vụ vay của hợp đồng tín dụng số 021017 – 2862727 – 01 - SME, ngày 04/10/2017 và khế ước nhận nợ số 050418 – 2862727 – 01 – SME, ngày 05/4/2018 số tiền tính đến ngày 28/01/2021: gốc 3.300.000đ; lãi 1.036.277.083đ. Tổng 4.336.277.083đ.

A giải chấp tài sản là nhà đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông NMH và bà LTG, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 421488 do ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia cấp ngày 28/8/2014 mang tên ông NMH và bà LTG.

\* **Kỳ 2.** Ngày 25/5/2021 thanh toán nghĩa vụ vay của hợp đồng tín dụng số 230616 – 2862727 – 01 – SME, ngày 23/6/2016 và khế ước nhận nợ và hợp đồng

cho vay số 031017 – 2862727 – 01 – SME, ngày 04/10/2017; 120717 - 2862727 - 01 – SME, ngày 13/7/2017 và khế ước nhận nợ, số tiền tính đến ngày 28/01/2021, gốc là 1.669,750,003đ, lãi 771.653.035đ. Tổng 2.441.403.038đ

A giải chấp tài sản là: Xe ô tô tải T đổ nhãn hiệu SHACMAN có BKS: 36C – 122.28, xe ô tô tải T đổ nhãn hiệu SHACMAN có BKS: 36C – 129.06, xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA có BKS: 36A – 100.87, xe ô tô tải T đổ nhãn hiệu SHACMAN có BKS: 36C – 172.23 đều mang tên công ty cổ phần ĐVNS.

\* **Kỳ 3:** Ngày 25/5/2021 thanh toán nghĩa vụ vay của hợp đồng tín dụng số 021017 – 2862727 – 01 - SME, ngày 04/10/2017 và khế ước nhận nợ số 051097 – 2862727 ngày 05/10/2017 thế chấp ký ngày 04/10/2017, số tiền tính đến ngày 28/01/2021, gốc là 3.349.249.200đ, lãi 1.051.664.384đ. Tổng 4.400.913.584đ. A giải chấp tài sản là:

+ Diện tích nhà đất 1014m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 399, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa số 60, tờ bản đồ số 105, BĐ ĐC năm 2011). Tại thôn 1, phường XL, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng số: Y 108207 do ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia cấp ngày 01/10/2003 mang tên ông ông LVM và bà MTT.

+ Diện tích đất 300m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 20B, tờ bản đồ số 124 tại thôn 1 phường XL, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng số: BX 534112 do ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia cấp ngày 19/11/2014 mang tên ông ông LVM và bà MTT.

+ Diện tích 300m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 18A, tờ bản đồ số 124 thôn 1 phường XL, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng số: BX 534113 do ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia cấp ngày 19/11/2014 mang tên ông ông LVM và bà MTT.

+ Diện tích 300m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 20A, tờ bản đồ số 124 tại thôn 1 phường XL, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng số: BX 534114 do ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia cấp ngày 19/11/2014 mang tên ông ông LVM và bà MTT.

\* Trường hợp Công ty cổ phần ĐVNS không thực hiện hoặc thực hiện không

đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo lộ trình cam kết trên, thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ vay như nội dung bản án sơ thẩm số 05/2020/KDTM – ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa.

Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng A và Công ty cổ phần ĐVNS thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Xét thấy việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, phù hợp với đạo đức xã hội nên chấp nhận, cần sửa một phần bản án sơ thẩm số 05/2020/KDTM ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn theo hướng thỏa thuận của các đương sự.

**[4] Về án phí:** Các đương sự thỏa thuận CT ĐVNS phải chịu toàn bộ án phí KDTM có giá ngạch; CT ĐVNS phải chịu phí án phí phúc thẩm.

**[5]** Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Áp dụng:** Điều 300, khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015  
Điểm b Điều 688; khoản 2 Điều 119; khoản 2 Điều 292; khoản 3 Điều 293;  
Điều 299; Điều 317; khoản 3 Điều 318; Điều 319; Điều 463; Điều 466 và Điều 468  
BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng;

### **2. Xử:**

**2.1.** Đình chỉ kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông LVM, bà MTT, bà LTG.

**2.2.** Công nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng A và Công ty cổ phần ĐVNS tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án số 05/2020/KDTM ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn như sau:

Tính đến ngày 28/01/2021 Công ty cổ phần ĐVNS còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền: **11.178.593.705đ** ( gốc 8.318.999.203đ, lãi 2.859.594.502đ). Công ty cổ phần ĐVNS trả cho A số tiền 11.178.593.705đ cụ thể các kỳ:

\* **Kỳ 1:** Ngày 25/03/2021 thanh toán nghĩa vụ vay của hợp đồng tín dụng số 021017 – 2862727 – 01 - SME, ngày 04/10/2017 và khế ước nhận nợ số 050418 –

2862727 – 01 – SME, ngày 05/4/2018 số tiền tính đến ngày 28/01/2021: gốc 3.300.000đ; lãi 1.036.277.083đ. Tổng 4.336.277.083đ.

A giải chấp tài sản là nhà đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông NMH và bà LTG, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 421488 do ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia cấp ngày 28/8/2014 mang tên ông NMH và bà LTG.

\* **Kỳ 2.** Ngày 25/5/2021 thanh toán nghĩa vụ vay của hợp đồng tín dụng số 230616 – 2862727 – 01 – SME, ngày 23/6/2016 và khế ước nhận nợ và hợp đồng cho vay số 031017 – 2862727 – 01 – SME, ngày 04/10/2017; 120717 - 2862727 - 01 – SME, ngày 13/7/2017 và khế ước nhận nợ, số tiền tính đến ngày 28/01/2021, gốc là 1.669,750,003đ, lãi 771.653.035đ. Tổng 2.441.403.038đ

A giải chấp tài sản là: Xe ô tô tải T đổ nhãn hiệu SHACMAN có BKS: 36C – 122.28, xe ô tô tải T đổ nhãn hiệu SHACMAN có BKS: 36C – 129.06, xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA có BKS: 36A – 100.87, xe ô tô tải T đổ nhãn hiệu SHACMAN có BKS: 36C – 172.23 đều mang tên công ty cổ phần ĐVNS.

\* **Kỳ 3:** Ngày 25/5/2021 thanh toán nghĩa vụ vay của hợp đồng tín dụng số 021017 – 2862727 – 01 - SME, ngày 04/10/2017 và khế ước nhận nợ số 051097 – 2862727 ngày 05/10/2017 thế chấp ký ngày 04/10/2017, số tiền tính đến ngày 28/01/2021, gốc là 3.349.249.200đ, lãi 1.051.664.384đ. Tổng 4.400.913.584đ. A giải chấp tài sản là:

+ Diện tích nhà đất 1014m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 399, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa số 60, tờ bản đồ số 105, BD ĐC năm 2011). Tại thôn 1, phường XL, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng số: Y 108207 do ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia cấp ngày 01/10/2003 mang tên ông ông LVM và bà MTT.

+ Diện tích đất 300m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 20B, tờ bản đồ số 124 tại thôn 1 phường XL, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng số: BX 534112 do ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia cấp ngày 19/11/2014 mang tên ông ông LVM và bà MTT.

+ Diện tích 300m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 18A, tờ bản đồ số 124 thôn 1 phường XL, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử



dụng số: BX 534113 do ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia cấp ngày 19/11/2014 mang tên ông ông LVM và bà MTT.

+ Diện tích 300m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 20A, tờ bản đồ số 124 tại thôn 1 phường XL, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng số: BX 534114 do ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia cấp ngày 19/11/2014 mang tên ông ông LVM và bà MTT.

\* Trường hợp Công ty cổ phần ĐVNS không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo lộ trình cam kết trên, thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ vay như nội dung bản án sơ thẩm số 05/2020/KDTM – ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa.

**3. Án phí:** Công ty ĐVNS phải nộp 59.589.000đ (tròn số) tiền án phí KDTMST có giá ngạch; 2.000.000đ án phí KDTM phúc thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm 2.000.000đ công ty đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0005001 ngày 26/10/2020 Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn.

Bà LTG được nhận lại số tiền tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm, theo Biên lai thu số AA/2019/0005004 ngày 27/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- TAND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Dung**